TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUNPA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày: 12/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUNPA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Siu Lanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Công.
2. Bà Phan Thị Nhàn.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nay Ha – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn V. H. A**, sinh ngày 15/01/1987 tại Q P, T B; Nơi cư trú: Thôn Tân A, xã Ea B, huyện Sông H, tỉnh P Y; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V H và bà Đào T H (đã chết), có vợ là Võ T Đ T và 01 con; tiền án: 01 tiền án, cụ thể: Ngày 09/5/2005 bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản, 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng hợp hình phạt 07 năm tù (bản án số 290), ngày 02/10/2009 chấp hành xong hình phạt tù. Hiện bị cáo chưa chấp hành xong khoản tiền truy thu sung quỹ Nhà nước là 12.030.000 đồng theo Quyết định thi hành án số 85/QĐ-CC.THA ngày 06/4/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông H, tỉnh P Y. Về nhân thân: Ngày 04/5/2011 bị TAND huyện K P, tỉnh G xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 10/2011/HSST), ngày 06/11/2011 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 24/10/2013 bị TAND tỉnh P Y xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 133/2013/HSPT). Ngày 16/4/2014 bị TAND huyện K N, tỉnh ĐL xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án số 133/2013/HSPT ngày 24/10/2013 của TAND tỉnh P Y, buộc bị

cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 năm 06 tháng tù (bản án số 25/2014/HSST), ngày 02/11/2018 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/12/2021, tạm giam từ ngày 04/01/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Ayun Pa; có mặt.

2. **Trần T. C. B**, sinh ngày 27/10/1993 tại A P, G; Nơi cư trú: Số nhà 06 N V T, tổ 5, phường H B, thị xã A P , tỉnh G; Nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần N C (đã chết) và bà Phạm T M, có vợ là Nguyễn T K P và 02 con; tiền án: 01 tiền án, cụ thể: Ngày 01/7/2015 bị TAND thị xã A P, tỉnh G xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (bản án số 09/2015/HSST), ngày 26/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 05/5/2021 bị Công an thị xã A P, tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về nhân thân: Ngày 11/9/2013 bị Công an phường H B, thị xã A P , tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác. Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/12/2021, tạm giam từ ngày 04/01/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thị xã A P; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn T K P, sinh năm 1992; trú tại: Số nhà 06 N V T, tổ 5, phường H Bì, thị xã A P, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 26/12/2021, Nguyễn V. H. A điều khiển xe môtô mang BKS: 78C1-310.13 đến khu vực gần thủy điện K N thuộc xã E L, huyện S H, P Y mua 02 gói ma túy (01 gói lớn và 01 gói nhỏ) với giá 1.200.000 đồng của một người tên T (không rõ lai lịch). Sau đó A nhắn tin, gọi điện thoại hỏi thăm Trần T. C. B và nói với B mình có ma túy và tìm thị trường để bán thì B trả lời "Anh cứ đưa lên đây nếu được em lấy cho" và cả hai hẹn lên thị xã A P, tỉnh G. Chiều ngày 26/12/2021, A điều khiển xe môtô BKS: 78C1-310.13 và mang theo 02 gói ma túy trên đến nhà B. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, A tới nhà B tại 06 N V T, tổ 5, phường H B, thị xã A P, G. Tại đây B dẫn A đi vào phòng thứ ba của nhà mình, sau đó B đi lấy dụng cụ sử dụng ma túy mang vào phòng, A đưa gói ma túy nhỏ cho B, B lấy kéo cắt gói ma túy đổ một ít vào dụng cụ rồi bỏ lại gói ma túy trên chiếu. Sau đó B và A thay nhau sử dụng bật lửa đốt, hút đưa ma túy vào cơ thể thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án gồm 02 gói ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 880/KLGĐ ngày 04/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận giám định: Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 (hai) gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng từng gói lần lượt 0,1223 gam và 1,9778 gam. Chất màu

vàng nâu bám dính trong ống thủy tinh có đầu phình to trên chai nhựa trong hộp giấy cát tông niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng.

Vật chứng vụ án:

- 02 gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng từng gói lần lượt 0,1223 gam và 1,9778 gam. Số ma túy này đã sử dụng một phần mẫu vật để giám định còn lại có tổng khối lượng là 1,9513 gam, được niêm phong vào trong bì công văn của Phòng KTHS Công an tỉnh G;

- Bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp chai màu đỏ có 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có đầu phình to; 01 bật lửa gas màu tím; 01 cái kéo có cán bằng nhựa màu đen.

- Thu giữ của Nguyễn Văn Hanh gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, bên trong kèm theo 02 thẻ sim: sim 1 có ký hiệu 89840200011170144586, Sim 2 có ký hiệu 8984048000073989197 và 01 thẻ nhớ màu đen, trên thẻ nhớ có dòng chữ "TRỌNG TÍN" màu đỏ; 01 căn cước công dân số 034087013432; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 540125205745; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH125I màu sơn đỏ đen, mang BKS: 78C1-310.13 số khung: 4220FY008750, số máy JF42E1008828 và kèm theo 01 chìa khóa xe máy và 01 Chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số: 000909 do Công an thành phố T H, tỉnh P Y cấp ngày 23/10/2015. Qua điều tra xác định, chiếc xe môtô trên thuộc sở hữu hợp pháp của bà Trần T Đ (SN: 1964, trú tại: Khu phố P H 2, phường 9, thành phố T H, tỉnh P Y) là mẹ vợ của bị cáo A. Bà Đ không biết việc A sử dụng chiếc xe môtô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A P đã xử lý trả lại xe môtô và giấy chứng nhận đăng ký xe môtô cho bà Đ.

- Thu giữ của Trần T. C. A 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen, kiểu máy Iphone 8, số máy 30041LL/A, số seri C8PV9CHDJC67, số IMEI: 356762080719946. Kèm theo 01 thể sim có ký hiệu 8984048000317377097 (số thuê bao 0367672423).

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP, tỉnh G đã truy tố các bị cáo về các hành vi phạm tội như sau: Bị cáo Nguyễn V. H. A về các tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần T. C. B về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần T. C. B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn V. H. A thành khẩn khai nhận về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A P, tỉnh G đã truy tố. Bị cáo A cho rằng mục đích liên lạc với bị cáo B là để hỏi giá ma túy, không nhằm mục đích mua bán ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A P, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn V. H. A và Trần T. C. B, đề nghị:

**Hình phạt chính*: Áp dụng khoản 1 Điều 251, khoản 1 Điều 255, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 và Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn V. H. A. Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trần T. C. B.

Đề nghị xử phạt:

1. Đối với bị cáo Nguyễn V. H. A: Xử phạt từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

2. Đối với bị cáo Trần T. C. B: Xử phạt từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Khối lượng 1,9513 gam ma túy còn lại sau giám định; 01 chai nhựa, nắp chai màu đỏ có 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có đầu phình to; 01 bật lửa gas màu tím; 01 cái kéo có cán bằng nhựa màu đen;

- Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, bên trong kèm theo 02 thẻ sim: sim 1 có ký hiệu 89840200011170144586, Sim 2 có ký hiệu 8984048000073989197 và 01 thẻ nhớ màu đen, trên thẻ nhớ có dòng chữ "TRỌNG TÍN" màu đỏ của Nguyễn Văn Hanh do sử dụng vào việc phạm tội;

- Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn V. H. A 01 căn cước công dân số 034087013432 và 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 540125205745 do không liên quan đến tội phạm.

- Đề nghị trả lại cho chị Nguyễn T K P 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen, kiểu máy Iphone 8.

Bị cáo Nguyễn V. H. A đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo". Những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến tranh luận gì. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị, không đồng ý với ý kiến của bị cáo A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn V. H. A khai báo quanh co, không thành khẩn khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A P, tỉnh G đã truy tố. Bị cáo khai mục đích liên lạc với bị cáo Trần T. C. B là để hỏi giá ma túy, không nhằm mục đích mua bán ma túy. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xét hỏi và đối chất trực tiếp tại phiên tòa giữa bị cáo A với bị cáo B, đồng thời qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa, đặc biệt là nội dung tin nhắn giữa bị cáo A và bị cáo B, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn V. H. A sau khi mua được ma túy của đối tượng tên T gần thủy điện K N thuộc xã E L, huyện S H, P Y thì chủ động liên hệ với bị cáo Trần T. C. B để hỏi giá, mục đích tìm nơi mua bán ma túy kiếm lời (A mua gói ma túy 1.200.000 đồng, nói bán 6.000.000 đồng), cụ thể các bị cáo Nguyễn V. H. A và Trần T. C. B đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau: Vào sáng ngày 26/12/2021, sau khi mua được ma túy, Nguyễn V. H. A đã chủ động liên hệ với Trần T. C. B hỏi giá để tìm thị trường bán ma túy thì được B hẹn cứ mang ma túy lên A P nếu được sẽ mua. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, A mang ma túy vào phòng ngủ của B tại 06 N V T, tổ 5, phường H B, thị xã AP, tỉnh Gia. Tại đây, A đưa cho B 01 gói ma túy (gói nhỏ) còn B chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy, sau đó cả hai cùng sử dụng ma túy thì bị Công an thị xã A P bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án gồm 02 gói ma túy (loại Methamphetamine), gói nhỏ khối lượng 0,1223 gam, gói lớn khối lượng 1,9778 gam và bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

[2] Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về việc quản lý, sử dụng các chất ma tuý. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma tuý đã làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn V. H. A phạm các tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần T. C. B phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A P, tỉnh Gia truy tố các bị cáo theo các tội danh và điều luật như trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở hình thức giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, cùng cố ý thực hiện tội phạm, tính chất, mức độ tham gia của các bị cáo thể hiện như sau:

Bị cáo Nguyễn V. H. A biết được hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấp nhưng vì muốn thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên đã liên hệ với đối tượng tên T để mua ma túy, sau khi mua được ma túy thì chủ động liên hệ với bị cáo Trần T. C. B để hỏi giá bán ma túy và tìm nơi tiêu thụ thì được B hẹn cứ mang ma túy lên A P nếu được sẽ mua. Sau đó cả hai thống nhất hẹn gặp

nhau tại nhà B, tại đây bị cáo A đưa ma túy cho B, còn B chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi cả hai cùng sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an thị xã A P bắt quả tang. Trong vụ án này bị cáo A và B đồng phạm với nhau về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Trần T. C. B tuy không trực tiếp tham gia mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn V. H. A nhưng khi biết A có ma túy đang cần bán thì B chủ động bảo A mang ma túy lên A P để xem nếu được sẽ mua. Hành vi hứa hẹn này của B đã tiếp tay, tạo niềm tin và củng cố thêm cho hành vi phạm tội của Nguyễn V. H. A trong việc vận chuyển ma túy từ huyện S H, tỉnh P Y lên địa bàn thị xã A P mục đích để bán lại kiếm lời. Khi A đến thì B đưa A vào phòng ngủ của mình và lấy ma túy từ A đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã chuẩn bị sẵn sau đó cùng A sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo đã thống nhất mục đích, ý chí với A trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, dùng phòng ngủ thuộc sự quản lý của mình để cùng A sử dụng trái pháp chất ma túy.

[4] *Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Các bị cáo Nguyễn V. H. A và Trần T. C. B đều có 01 tiền án, cụ thể: Bị cáo A có 01 tiền án về các tội Cướp tài sản, Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng hiện bị cáo chưa chấp hành xong khoản tiền truy thu sung quỹ Nhà nước là 12.030.000 đồng theo Quyết định thi hành án số 85/QĐ-CC.THA ngày 06/4/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S H, tỉnh P Y. Bị cáo B có 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội mới. Tình tiết tăng nặng TNHS đối với các bị cáo Nguyễn V. H. A và Trần T. C. B là "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Ngoài ra các bị cáo Nguyễn V. H. A và Trần T. C. B đều có nhân thân xấu, trong đó bị cáo A đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Còn bị cáo B có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, trước đó vào năm 2013 bị cáo B cũng đã bị B an phường H B, thị xã A P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác. Tuy nhiên các bị cáo đã không lấy đó làm bài học cho bản thân để chấp hành pháp luật cho tốt mà còn tiếp tục phạm tội, điều này chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, không tỏ ra ăn năn hối cải qua các lần vi phạm của mình.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Trần T. C. B thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Nguyễn V. H. A tuy không thành khẩn khai báo về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng thành khẩn khai nhận về hành vi tổ chức sử dụng trái phép

chất ma túy nên bị cáo vẫn được hưởng tỉnh tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Nguyễn V. H. A phạm nhiều tội nên áp dụng quy định tại Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội vì động cơ, mục đích vụ lợi nên cần phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Trong vụ án này còn có đối tượng tên T là người đã bán ma túy cho Nguyễn V. H. A ở khu vực thủy điện K N thuộc xã E L, huyện S H, tỉnh P Y. Quá trình điều tra, xác minh không xác định được nhân thân, lại lịch của T nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị K P đã cho bị cáo Trần T. C. B mượn 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen, kiểu máy Iphone 8 để sử dụng. Tuy nhiên chị P không biết bị cáo B sử dụng chiếc điện thoại trên vào việc phạm tội, cũng không liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo B nên không có căn cứ để xử lý.

[7] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 1,9513 gam được niêm phong vào trong bì công văn của Phòng KTHS Công an tỉnh G L. Xét thấy đây là chất thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm mua bán, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.
- Đối với bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, nắp chai màu đỏ có 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có đầu phình to; 01 bật lửa gas màu tím; 01 cái kéo có cán bằng nhựa màu đen cần tịch thu tiêu hủy.
- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, bên trong kèm theo 02 thẻ sim: sim 1 có ký hiệu 89840200011170144586, Sim 2 có ký hiệu 8984048000073989197 và 01 thẻ nhớ màu đen, trên thẻ nhớ có dòng chữ "TRỌNG TÍN" màu đỏ thu giữ của Nguyễn V. H. A. Xét thấy bị cáo A đã sử dụng chiếc điện thoại nêu trên vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.
- Đối với 01 căn cước công dân số 034087013432 và 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 540125205745 là tài sản của bị cáo Nguyễn V. H. A không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.
- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen, kiểu máy Iphone 8, số máy 30041LL/A, số seri C8PV9CHDJC67, số IMEI: 356762080719946, kèm theo 01 thể sim có ký hiệu 8984048000317377097 (số thuê bao 0367672423) cần trả lại cho chị Nguyễn T K P là chủ sở hữu.

Đối với một số vật chứng khác đã được cơ quan điều tra xử lý trong giai đoạn điều tra không ai có khiếu nại hay ý kiến gì nên HDXX không đề cập đến.

[8] *Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên:* Cơ quan điều tra Công an thị xã A P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[10] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A P về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với các bị cáo, việc xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án cơ bản phù hợp với kết quả nghị án của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn V. H. A phạm các tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Trần T. C. B phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

* Đối với bị cáo **Nguyễn V. H. A**: Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn V. H. A 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn V. H. A 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn V. H. A phải chấp hành hình phạt chung là **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 26/12/2021.

* Đối với bị cáo **Trần T. C. B**: Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần T. C. B **04** (bốn) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 26/12/2021.

* Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn V. H. A và Trần T. C. B, mỗi bị cáo số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, bên trong kèm theo 02 thẻ sim: sim 1 có ký hiệu 89840200011170144586, Sim 2 có ký hiệu 8984048000073989197 và 01 thẻ nhớ màu đen, trên thẻ nhớ có dòng chữ "TRỌNG TÍN" màu đỏ thu giữ của Nguyễn V. H. A.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn V. H. A 01 căn cước công dân số 034087013432 và 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 540125205745 mang tên Nguyễn V. H. A.

- Trả lại cho chị Nguyễn T K P 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen, kiểu máy Iphone 8, số máy 30041LL/A, số seri C8PV9CHDJC67, số IMEI: 356762080719946, kèm theo 01 thể sim có ký hiệu 8984048000317377097 (số thuê bao 0367672423).

- Tịch thu tiêu hủy 1,9513 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định, được niêm phong vào trong bì công văn của Phòng KTHS Công an tỉnh G và bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp chai màu đỏ có 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có đầu phình to; 01 bật lửa gas màu tím; 01 cái kéo có cán bằng nhựa màu đen.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A P và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A P, tỉnh G)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Nguyễn V. H. A và Trần T. C. B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Ayun Pa;
- CQ. CSĐT Công an TX. Ayun Pa;
- CQ.THA HS Công an TX. Ayun Pa;
- Chi cục THA DS TX. Ayun Pa;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu HSVA, Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Trần Văn Công	**Phan Thị Nhàn**	**Siu Lanh**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**